

# Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

# Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

# Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh (“Công ty”), trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ điện nông thôn; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Số 68, Đường Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng ban
Bà Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	
Bà Trương Thị Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2023
Ông Kiều Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lý Ngọc Tuấn.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2024



Số tham chiếu: 12824894/66924576

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh (“Công ty”) được lập ngày 19 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 26 của báo cáo tài chính trình bày việc Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng để đảm bảo tính so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do ảnh hưởng của việc thay đổi lịch ghi chỉ số điện về ngày cuối tháng theo Công văn số 4236/PCTV-KD ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2023 bởi Công ty Điện Lực Trà Vinh - nhà cung cấp nguồn điện thương phẩm duy nhất cho Công ty.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



\_\_\_\_\_  
Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2023-004-1

\_\_\_\_\_  
Đặng Nguyên Hương  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 5041-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2024



BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100.577.677.147</b>	<b>83.354.920.150</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>20.542.354.544</b>	<b>12.464.840.500</b>
111	1. Tiền		20.542.354.544	12.464.840.500
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>142.136.883</b>	<b>4.620.886.056</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	62.484	62.484
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	142.074.399	4.620.823.572
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>61.120.868.773</b>	<b>53.173.580.581</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	59.663.135.202	51.719.128.279
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	2.898.990
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.515.027.939	1.513.349.090
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(61.795.778)	(61.795.778)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		4.501.410	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>18.154.701.437</b>	<b>12.346.013.620</b>
141	1. Hàng tồn kho		18.547.065.726	12.734.077.747
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(392.364.289)	(388.064.127)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>617.615.510</b>	<b>749.599.393</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	617.615.510	749.599.393
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>79.058.229.682</b>	<b>61.341.974.761</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>53.768.613.487</b>	<b>39.573.252.835</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	53.768.613.487	39.573.252.835
222	Nguyên giá		138.644.204.542	117.533.012.800
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(84.875.591.055)	(77.959.759.965)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.000.000)	(40.000.000)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>242.531.029</b>	<b>1.390.257.600</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	242.531.029	1.390.257.600
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>25.047.085.166</b>	<b>20.378.464.326</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	19.320.988.396	14.423.371.456
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	5.726.096.770	5.955.092.870
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>179.635.906.829</b>	<b>144.696.894.911</b>

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>64.534.338.718</b>	<b>44.615.399.785</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>61.665.137.329</b>	<b>44.615.399.785</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	14.391.955.017	45.668.500
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.737.106.116	2.630.864.364
314	3. Phải trả người lao động		17.805.516.754	10.583.780.589
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	25.817.402.462	29.833.464.350
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	847.706.923	876.310.925
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.065.450.057	645.311.057
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.869.201.389</b>	-
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	16	2.869.201.389	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>115.101.568.111</b>	<b>100.081.495.126</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>115.101.568.111</b>	<b>100.081.495.126</b>
411	1. Vốn cổ phần		52.800.000.000	52.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		52.800.000.000	52.800.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(160.000.000)	(160.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.879.322.392	18.879.322.392
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.582.245.719	28.562.172.734
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		11.070.172.734	35.024.093
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		32.512.072.985	28.527.148.641
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>179.635.906.829</b>	<b>144.696.894.911</b>

Vương Quý Khen  
Người lập

Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2024



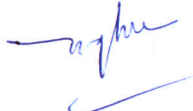
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	18	630.339.472.300	591.010.232.169
11	2. Giá vốn hàng bán	19	(526.597.797.506)	(503.121.154.132)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		103.741.674.794	87.889.078.037
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	249.378.617	346.749.021
25	5. Chi phí bán hàng	20	(46.794.701.305)	(41.957.257.183)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(15.651.155.643)	(10.418.751.437)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.545.196.463	35.859.818.438
32	8. Chi phí khác		(115.890.285)	(30.000.000)
40	9. Lỗ khác		(115.890.285)	(30.000.000)
50	10. Tổng lợi nhuận trước thuế		41.429.306.178	35.829.818.438
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(8.688.237.093)	(7.302.669.797)
52	12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(228.996.100)	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		32.512.072.985	28.527.148.641
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.5	6.176	5.096
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.5	6.176	5.096



Vương Quý Khen  
Người lập



Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>41.429.306.178</b>	<b>35.829.818.438</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	11	6.915.831.090	5.874.940.558
03	Các khoản dự phòng		4.300.162	7.243.449
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(249.378.617)	(346.749.021)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>48.100.058.813</b>	<b>41.365.253.424</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(8.010.049.294)	2.144.830.642
10	Tăng hàng tồn kho		(21.823.767.105)	(7.019.559.595)
11	Tăng các khoản phải trả		16.288.397.635	425.829.045
12	Tăng chi phí trả trước		(5.238.259.396)	(7.522.795.121)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(8.257.759.057)	(6.703.748.881)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.279.861.000)	(1.165.467.670)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>19.778.760.596</b>	<b>21.524.341.844</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định		(697.236.454)	(4.748.547.283)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(142.074.399)	(8.987.823.572)
24	Tiền thu hồi khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		4.620.823.572	8.737.418.464
27	Thu lãi tiền gửi		309.240.729	320.806.659
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>4.090.753.448</b>	<b>(4.678.145.732)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả	17.3	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(15.792.000.000)</b>	<b>(15.792.000.000)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		8.077.514.044	1.054.196.112
60	Tiền đầu năm		12.464.840.500	11.410.644.388
70	Tiền cuối năm	4	20.542.354.544	12.464.840.500





Vương Quý Khen  
Người lập

Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng

Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh (“Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ điện nông thôn; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Số 68, Đường Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 178 (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 185).

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

#### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau :

- |                                     |  |
|-------------------------------------|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ    | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền   |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 15 năm

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng;
- ▶ Phí kiểm định công tơ, máy biến áp; và
- ▶ Đường dây hạ thế.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của quyền sử dụng đất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty được trích theo mức bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

**3.11 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.12 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện thương phẩm*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải đến các hộ dân tại cuối mỗi tháng.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	44.609.701	26.419.636
Tiền gửi ngân hàng	<u>20.497.744.843</u>	<u>12.438.420.864</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.542.354.544</u></b>	<b><u>12.464.840.500</u></b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**5.1 Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	<u>62.484</u>	<u>135.500</u>	-	<u>62.484</u>	<u>136.250</u>	-

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.

Chi tiết khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn như sau:

Tiền gửi ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Trà Vinh	<u>142.074.399</u>	Ngày 12 tháng 10 năm 2024	5,3

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	59.663.135.202	51.719.128.279
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(61.795.778)</u>	<u>(61.795.778)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>59.601.339.424</u></b>	<b><u>51.657.332.501</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho mua đất	1.012.000.000	1.012.000.000
Lãi tiền gửi	1.650.398	61.512.510
Khác	501.377.541	439.836.580
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.515.027.939</u></b>	<b><u>1.513.349.090</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	18.384.942.719	12.421.068.660
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.322.692	223.938.565
Khác	134.800.315	89.070.522
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.547.065.726</u></b>	<b><u>12.734.077.747</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(392.364.289)	(388.064.127)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>18.154.701.437</u></b>	<b><u>12.346.013.620</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	388.064.127	380.820.678
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.300.162	7.243.449
Số cuối năm	<u>392.364.289</u>	<u>388.064.127</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>617.615.510</b>	<b>749.599.393</b>
Công cụ, dụng cụ	411.165.145	356.595.025
Đường dây hạ thế	8.826.358	293.073.227
Khác	197.624.007	99.931.141
<b>Dài hạn</b>	<b>19.320.988.396</b>	<b>14.423.371.456</b>
Điện kế	8.607.153.730	7.771.797.457
Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng	6.133.990.759	2.861.820.039
Phí kiểm định công tơ, máy biến áp	2.649.604.257	2.369.266.239
Đường dây hạ thế	1.080.052.224	487.000.241
Tiền thuê đất trả trước	728.769.232	748.331.944
Khác	121.418.194	185.155.536
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.938.603.906</b>	<b>15.172.970.849</b>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời	-	1.306.629.590
Khác	242.531.029	83.628.010
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>242.531.029</b>	<b>1.390.257.600</b>

# Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	5.282.462.187	62.913.953	112.005.827.130	181.809.530	117.533.012.800
Mua mới	-	-	-	36.170.909	36.170.909
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	327.433.333	-	20.747.587.500	-	21.075.020.833
Số cuối năm	5.609.895.520	62.913.953	132.753.414.630	217.980.439	138.644.204.542
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	1.472.394.379	62.913.953	53.477.866.616	181.809.530	55.194.984.478
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(3.254.966.088)	(62.913.953)	(74.460.070.394)	(181.809.530)	(77.959.759.965)
Khấu hao trong năm	(193.009.158)	-	(6.720.812.438)	(2.009.494)	(6.915.831.090)
Số cuối năm	(3.447.975.246)	(62.913.953)	(81.180.882.832)	(183.819.024)	(84.875.591.055)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	2.027.496.099	-	37.545.756.736	-	39.573.252.835
Số cuối năm	2.161.920.274	-	51.572.531.798	34.161.415	53.768.613.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Điện lực Trà Vinh – Huyện Tiểu Cần	6.111.351.552	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Vinasino	3.709.502.120	-
Công ty Điện lực Trà Vinh – Huyện Duyên Hải	2.928.665.657	-
Công ty Điện lực Trà Vinh – Thành phố Trà Vinh	1.531.097.947	45.668.500
Khác	111.337.741	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.391.955.017</u></b>	<b><u>45.668.500</u></b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.695.858.574	5.770.881.407	(7.107.926.456)	358.813.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	926.500.562	8.688.237.093	(8.257.759.057)	1.356.978.598
Thuế thu nhập cá nhân	8.505.228	701.968.235	(689.159.470)	21.313.993
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.630.864.364</u></b>	<b><u>15.161.086.735</u></b>	<b><u>(16.054.844.983)</u></b>	<b><u>1.737.106.116</u></b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
Trích trước tiền mua điện	25.761.282.461	29.775.464.350
Khác	56.120.001	58.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.817.402.462</u></b>	<b><u>29.833.464.350</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đường dây hạ áp khu tái định cư Hiệp Thạnh phải trả cho ngân sách Tỉnh Trà Vinh	572.494.823	572.494.823
Khác	275.212.100	303.816.102
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>847.706.923</u></b>	<b><u>876.310.925</u></b>

**16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

# Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 17.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b> ( <i>Trình bày lại -Thuyết minh số 26</i> )					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	17.027.024.093	88.546.346.485
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	28.527.148.641	28.527.148.641
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Số cuối năm	<u>52.800.000.000</u>	<u>(160.000.000)</u>	<u>18.879.322.392</u>	<u>28.562.172.734</u>	<u>100.081.495.126</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	28.562.172.734	100.081.495.126
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	32.512.072.985	32.512.072.985
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
Số cuối năm	<u>52.800.000.000</u>	<u>(160.000.000)</u>	<u>18.879.322.392</u>	<u>43.582.245.719</u>	<u>115.101.568.111</u>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 03/NQ-DHĐCĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức hiện hữu của Công ty tại mức 30% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 30% này, tương đương với 15.792.000.000 đồng vào ngày 18 tháng 4 năm 2023.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu thường	Giá trị VND	Cổ phiếu thường	Giá trị VND
Vốn góp cổ đông	5.280.000	52.800.000.000	5.280.000	52.800.000.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	3.489.272	34.892.720.000	3.489.272	34.892.720.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	1.075.258	10.752.580.000	1.075.258	10.752.580.000
Công ty Cổ phần Galax	375.270	3.752.700.000	375.270	3.752.700.000
Cổ đông khác	340.200	3.402.000.000	340.200	3.402.000.000
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(160.000.000)	(16.000)	(160.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.264.000</b>	<b>52.640.000.000</b>	<b>5.264.000</b>	<b>52.640.000.000</b>

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>52.800.000.000</u>	<u>52.800.000.000</u>
Cổ tức công bố	15.792.000.000	15.792.000.000
Cổ tức đã trả	15.792.000.000	15.792.000.000

**17.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(16.000)
Cổ phiếu phổ thông	(16.000)	(16.000)
Cổ phiếu đang lưu hành	5.264.000	5.264.000
Cổ phiếu phổ thông	5.264.000	5.264.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.5 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	32.512.072.985	28.527.148.641
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.700.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	32.512.072.985	26.827.148.641
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	5.264.000	5.264.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	6.176	5.096
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	6.176	5.096

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2022 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	619.788.990.099	578.311.921.658
Doanh thu bán thiết bị điện	10.550.482.201	11.510.721.894
Doanh thu bán phế liệu	-	1.187.588.617
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>630.339.472.300</b>	<b>591.010.232.169</b>

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	249.378.617	346.583.373
Lãi trả chậm	-	165.648
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>249.378.617</b>	<b>346.749.021</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
Giá vốn của điện thương phẩm	507.237.013.639	483.940.840.067
Chi phí khấu hao	6.447.162.974	5.427.638.881
Chi phí phân bổ	6.238.690.590	4.888.271.831
Giá vốn của thiết bị điện	5.597.013.656	6.806.449.059
Khác	1.077.916.647	2.057.954.294
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>526.597.797.506</u></b>	<b><u>503.121.154.132</u></b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	41.074.481.894	37.331.869.163
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.012.904.760	1.832.417.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.599.331.920	213.986.693
Chi phí khấu hao	120.480.798	116.087.022
Khác	1.987.501.933	2.462.897.254
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>46.794.701.305</u></b>	<b><u>41.957.257.183</u></b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.210.365.731	7.759.864.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	631.183.681	255.656.787
Thiết bị văn phòng	490.954.438	177.368.321
Chi phí khấu hao	348.187.318	331.214.655
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp (*)	122.000.000	116.000.000
Khác	4.848.464.475	1.778.646.692
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.651.155.643</u></b>	<b><u>10.418.751.437</u></b>

(\*) Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu ("các Công ty EY") phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty	<u>122.000.000</u>	<u>116.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	VND Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 26)
Giá vốn của điện thương phẩm	507.237.013.639	483.940.840.067
Chi phí nhân viên	50.284.847.625	45.091.734.145
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 11)	6.915.831.090	5.874.940.558
Nguyên vật liệu	6.293.036.067	8.864.403.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.352.515.601	585.643.480
Khác	15.960.410.422	11.139.601.149
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>589.043.654.444</u></b>	<b><u>555.497.162.752</u></b>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**23.1 Chi phí thuế TNDN**

	Năm nay	VND Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 26)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.454.585.093	7.302.669.797
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	233.652.000	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	228.996.100	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.917.233.193</u></b>	<b><u>7.302.669.797</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 26)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>41.429.306.178</u></b>	<b><u>35.829.818.438</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	8.285.861.236	7.165.963.688
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành trực tiếp	58.560.000	58.560.000
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	233.652.000	-
Chi phí không được trừ	339.159.957	78.146.109
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>8.917.233.193</u></b>	<b><u>7.302.669.797</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**23.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**23.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.152.256.492	5.955.092.870	(802.836.378)	-
Trợ cấp thôi việc phải trả	573.840.278	-	573.840.278	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>5.726.096.770</b>	<b>5.955.092.870</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(228.996.100)</b>	<b>-</b>

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Năng lượng Ree	Công ty mẹ
Công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất REEPRO	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Galax NH	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành Viên
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành Viên
Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Kiều Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty mẹ	Cổ tức đã trả	10.467.816.000	10.467.816.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất REEPRO	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa Sử dụng dịch vụ	7.043.761.140 -	1.959.489.724 1.734.191.040
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	3.225.774.000	3.225.774.000
Công ty Cổ phần Galax	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	1.125.810.000	1.125.810.000
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ Bán nguyên vật liệu	143.677.964 11.537.738 18.093.600	- - -
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ	31.273.571 2.003.465	175.027.666 -

**Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác:**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		<b>322.800.000</b>	<b>309.000.000</b>
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	102.000.000	102.000.000
Ông Lý Ngọc Tuấn	Thành Viên	55.200.000	55.200.000
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	55.200.000	55.200.000
Bà Lương Thu Hằng	Thành viên	55.200.000	55.200.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành Viên	55.200.000	41.400.000
<b>Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc</b>		<b>2.995.640.600</b>	<b>2.726.060.460</b>
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	1.305.000.000	1.161.406.119
Ông Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	1.133.000.000	1.017.569.520
Bà Trương Thị Thùy Linh (miễn nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2023)	Phó Tổng Giám đốc	358.324.600	547.084.821
Ông Kiều Thanh Hải (bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023)	Phó Tổng Giám đốc	199.316.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>3.318.440.600</u></b>	<b><u>3.035.060.460</u></b>

Thu nhập của Ban Kiểm soát trong năm:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao của Ban Kiểm soát	<u>127.200.000</u>	<u>127.200.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc ngày kế toán năm, khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	86.601.345	86.601.345
Từ 1 đến 5 năm	433.006.725	433.006.725
Trên 5 năm	3.218.576.354	3.305.177.699
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.738.184.424</u></b>	<b><u>3.824.785.769</u></b>

**26. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Theo yêu cầu tại Công văn số 4236/PCTV-KD ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam – Công ty Điện Lực Trà Vinh - nhà cung cấp nguồn điện thương phẩm duy nhất cho Công ty, Công ty đã thay đổi lịch ghi chỉ số điện về ngày cuối tháng. Theo đó Công ty đã điều chỉnh hồi tố giá vốn hàng bán của năm 2022 và một số dữ liệu tương ứng có liên quan để đảm bảo tính so sánh được với số liệu kỳ hiện tại. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố được trình bày sau đây:

	VND		
Khoản mục	Số liệu theo báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	5.955.092.870	5.955.092.870
Chi phí phải trả ngắn hạn	58.000.000	29.775.464.350	29.833.464.350
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	24.130.604.547	(24.095.580.454)	35.024.093
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	28.251.939.667	275.208.974	28.527.148.641

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Giá vốn hàng bán	(503.465.165.349)	(344.011.217)	(503.121.154.132)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	87.545.066.820	344.011.217	87.889.078.037
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.515.807.221	344.011.217	35.859.818.438
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.485.807.221	344.011.217	35.829.818.438
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(7.233.867.554)	68.802.243	(7.302.669.797)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.251.939.667	275.208.974	28.527.148.641
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.367	271	5.096
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.367	271	5.096

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.485.807.221	344.011.217	35.829.818.438
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	41.021.242.207	344.011.217	41.365.253.424
Tăng các khoản phải trả	769.840.262	(344.011.217)	425.829.045



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

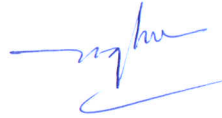
**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Vào ngày 30 tháng 1 năm 2024, Công ty đã thông báo việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 15% trên mệnh giá cổ phiếu theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 1 năm 2024.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Vương Quý Khen  
Người lập



Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

